

Bài 100. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Ánh Sáng | Sư Giác Nguyên giảng 05/08/2018

Kỳ rồi tôi giảng về bốn Trí Vô Ngại đó, nhưng mà tôi giảng chưa có hết. Thì bốn cái Trí Vô Ngại này không phải là vị Thánh nào cũng có.

Sau đây là một số nét riêng được xem là cá biệt ở các vị Thánh, bên cạnh các điểm chung nhất là giác ngộ Tứ Đế, chấm dứt phiền não, kết thúc luân hồi. Ở đây nói về trường hợp Thanh văn.

1. Không phải vị nào cũng được xuất gia theo cách “Thiện Lai Tỳ-kheo”.
2. Không phải vị nào chứng Thánh cũng đều có duyên xuất gia.
3. Không phải vị nào chứng Thánh cũng có duyên gặp Phật. Đôi khi thầy dạy mình chứng Thánh chỉ là phàm nhân. Có nghĩa là người chứng Thánh chưa có đủ duyên gặp Phật. Họ chưa có duyên được gặp Thánh Tăng, nhưng có duyên được gặp phàm tăng. Và phàm tăng thuyết, họ nghe họ đắc. Họ đắc cho đã mà cái ông thuyết thì không có đắc gì hết, mà cũng chưa hề biết là cái người nghe đắc nữa.
4. Không phải vị nào chứng Thánh cũng có thể nhập định, hóa thông.
5. Không phải vị Thánh nào chứng thiên cũng có đủ lực thông, hoặc bốn Trí Vô Ngại.

Tất cả những thiếu đủ này tùy thuộc vào ba-la-mật của mỗi người. Đó là chưa kể đến hoàn cảnh xuất thân, điều kiện sức khỏe, tài lộc...

Tám điều kiện để có được bốn Trí Vô Ngại

Tám điều kiện để có được bốn Trí Vô Ngại, Patisambhidāñāṇa, gồm có việc tu tập thiền định, siêng học Phật ngôn, có lưu ý đến vấn đề ngôn ngữ diễn đạt...

Bởi vì tôi có tiếp xúc với nhiều chư Tăng và Phật tử thì tôi có nhận ra cái điều này: có nhiều người coi cái chuyện tự tu là cốt lõi, còn ngoài ra không có gì quan trọng.

Nhưng bên cạnh, tôi cũng thấy có những vị họ lưu ý đến chuyện nói và viết làm sao để diễn đạt cái ý của mình.

Ví dụ, có những người họ học chưa hết trung học nhưng có cái tật là xương thơ. Coi như cứ quờn là làm thơ, vần điệu, tầm bậy tầm bạ. Chưa đủ để nói họ là có năng khiếu, nhưng ít ra họ là người có dụng tâm, có khổ ý ở trong cái chuyện diễn đạt. Chẳng qua là họ chưa có điều kiện thôi, chứ nếu mà có điều kiện thì họ cũng sẽ có khả năng về diễn đạt.

Điều này dĩ nhiên trong đạo giải thoát nó không quan trọng. Cái quan trọng là có giới, có định, có tuệ, mà mình làm cái gì nó bổ sung cho giới, định, tuệ.

Tuy nhiên, chính vì mình coi nó không quan trọng, mình chỉ chú ý đến cái quan trọng, nên khi chứng Thánh ta chỉ có được những thứ quan trọng nhất. Có những vị đắc A-la-hán mà không có thần thông là vì kiếp luân hồi, ba-la-mật họ không có để ý đến chuyện đó. Đắc rồi mà không có thần thông. Mà các vị có thần thông đi hoằng pháp nó thoải mái lắm.

Ví dụ như hai vị: một vị không có thần thông thì làm sao biết ai là người mà mình có thể độ. Riêng cái vị có thần thông thì họ thấy, họ biết. Còn cái vị kia thì nếu ai đủ duyên thì phải tự lặn lội, họ mò tới mình. Còn không nữa thì mình cũng phải lặn lội mò tới họ, mưa sa gió táp gì thì mình cũng phải ráng, mình gồng để mò tới họ. Cái người có thần thông thì đơn giản lắm. Chưa kể là hàng trăm chuyện khác, người có thần thông có lợi lắm.

Nhưng khi cái người có ba-la-mật viên mãn thì giọng nói dễ thương, tướng tá vừa đủ, ánh mắt, nụ cười, hàm răng, vàng trán, tài lộc... Nếu một vị A-la-hán mà cái gì cũng có thì các vị phải đồng ý với tôi là họ dễ làm phước điền cho người ta lắm. Còn trường hợp mà mình thiếu tùm lum hết.

Có trường hợp họ bảnh lắm, họ nói: “Tôi tu tôi chỉ cầu giải thoát.” Trúng. Nhưng tới hồi anh đắc anh chỉ có giải thoát thôi. Mà A-la-hán coi như chỉ có trò non, lợi suốt,

mòn mỗi mỗi ngày đi kiếm bữa cơm mà bữa có bữa không. Rồi mặt mũi nó cũng không sáng sủa nên chúng nó nó cũng ghét, chúng nó chửi tùm lum. Trong khi cái ông A-la-hán tướng hảo quang minh, phước lộc này nọ thì nó cũng dễ hoảng pháp đúng không?

Ba hạnh của Bồ-tát Chánh Đăng Giác

Bây giờ qua tới bốn Trí Vô Ngại, không phải vị A-la-hán nào cũng có. Bồ-tát Chánh Đăng Giác có ba hạnh:

1. Hạnh trí tuệ là 20 a-tăng-kỳ.
2. Hạnh đức tin là 40 a-tăng-kỳ.
3. Hạnh tinh tấn là 80 a-tăng-kỳ.

Mỗi vị Bồ-tát trước khi thành Phật phải trải qua ba giai đoạn: trong tâm, ra lời và được thọ ký.

Ví dụ hạnh trí tuệ như trường hợp Phật Gotama, thời gian nguyện thầm trong tâm là 9 a-tăng-kỳ. Thời gian mà nói ra lời để nhận sự thử thách của đời là 7 a-tăng-kỳ. Sau 16 a-tăng-kỳ này mới được thọ ký lần đầu tiên.

Tại sao có chuyện nguyện thầm? Vì mình nói ra nó thử làm sao. Thí dụ mình nói nè: “Ai muốn xin gì thì tui cho.” Mà nó khùng nó xin thứ quý nhất thì mình tính làm sao? Cho nên cứ tự mình dẫn co, ray rứt, trăn trở trong suốt 9 a-tăng-kỳ như vậy đó.

Như ngài Xá-lợi-phất, ngài cũng từng nguyện thành Phật. Nhưng khi mà ngài nói: “Ai xin gì tui cũng cho” đó. Có người tới xin con mắt thì ngài móc ra ngài cho. Thì cái ông đó ổng cầm con mắt, ổng thấy gớm rồi ổng mới liệng đi, thì lúc đó ngài bị sốc. Ngài đau ngài chịu được, hy sinh ngài chịu được. Nhưng mà cái mà cầm mà liệng xuống đất thì sốc quá. Mình tưởng sao mình đau, mình mất thân thể mình cho

nó. Rồi bây giờ nó lấy nó liệng xuống đất thì khó quá. Cho nên ngài bỏ cái nguyện đó.

Hạnh trí tuệ: sau 9 a-tăng-kỳ mà tự trong tâm mình thấy ok rồi, thì mất thêm 7 a-tăng-kỳ nữa để nói ra lời, để nhận thử thách từ đời. Khi mà đủ $9 + 7 = 16$ a-tăng-kỳ thì lúc đó mới được thọ ký. Hạnh Bồ-tát nào cũng phải trải qua ba giai đoạn đó.

Trong lần được thọ ký đầu tiên, nếu Bồ-tát hạnh trí tuệ đối nguyện thì có thể chứng A-la-hán lục thông và bốn Trí Vô Ngại. Bồ-tát hạnh đức tin nếu đối nguyện thì có thể chứng La-hán lục thông. Bồ-tát hạnh tinh tấn trong thời điểm đối nguyện thì chỉ có thể chứng tam minh.

Trong Kinh nói ví dụ chứ chuyện này không bao giờ xảy ra. Ngay cái lần thọ ký đầu tiên, nếu ngài, Bồ-tát hạnh trí tuệ, không có nguyện thành Phật nữa thì ngay lập tức ngài đắc lục thông, tam minh và bốn Trí Vô Ngại. Còn vị hạnh đức tin thì chỉ được lục thông thôi.

Lục thông là ngũ thông cộng lậu tận thông. Lậu tận thông là thánh trí La-hán. Ngũ thông là: thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông, biến hóa thông, túc mạng thông, sinh tử thông. Có nơi gọi sinh tử thông là thiên nhãn thông.

Thiên nhãn thông là thấy được tất cả những gì xa nhất, nhỏ nhất mà mắt thường không thấy.

Thiên nhĩ thông là nghe được tất cả những gì xa nhất, nhỏ nhất mà mắt người bình thường không thấy.

Tha tâm thông là biết được suy nghĩ của người khác. Nhân loại muốn chứng tha tâm thông thì phải chứng thiên nhãn thông.

Muốn chứng thiên nhãn thông phải có thị giác không mù lòa. Chư thiên là khác, nhưng mà đối với nhân loại, muốn chứng tha tâm thông thì phải chứng thiên nhãn. Là vì trong kinh nói: hai cái này là vị Thánh họ thực hiện cùng một lúc.

Tức là họ muốn biết ai thì họ chỉ cần nhìn vào, họ thấy từ ở trên xuống. Từ những biến chuyển trong máu, trong huyết, trong mạch của người đó. Cứ mỗi lần có tâm tham, sân, thiện thì cái cơ thể của họ nó thay đổi cái màu, và ánh sáng nó thay đổi khác nhau. Cái đó gọi là bioplasma, ánh sáng sinh học.

Có nghĩa là khi ta giận dữ hay sợ hãi thì cơ thể sẽ tiết ra chất adrenaline. Đó là lý do mà ăn thịt đỏ không có tốt cho sức khỏe. Bởi vì khi con thú nó bị đau đớn hay nó sợ hãi thì nó sẽ tiết ra chất đó, mà cái chất đó mình ăn vô thì nó sẽ không tốt cho cơ thể mình. Đã vậy Việt Nam mình còn ăn cả tiết canh và huyết heo nữa quý vị. Cái adrenaline đó mà mình quất nó luôn.

Khi mà mình sợ hãi, giận dữ, thích, buồn, ghen tuông, tiếc nuối, đau khổ, hạnh phúc, sung sướng, mãn nguyện, toại ý... thì những lúc đó, bản đồ sinh học của mình nó có những biến đổi mà người ta chỉ có thể theo dõi bằng cái điện tâm đồ hoặc điện não đồ thôi. Nhưng riêng với người có thiên nhãn thì họ nhìn họ thấy hết. Cho nên một lần, nếu họ muốn biết tâm ai, họ chỉ cần nhìn vào cái biểu đồ sinh học là họ biết người đó đang như thế nào.

Những khả năng này ở mỗi vị không giống nhau. Người bậc thấp không thấy hết tâm tư người bậc cõi cao. Chư thiên cõi thấp không hiểu hết tâm tư chư thiên cõi cao. Bậc Thánh thấp không hiểu được hết tâm tư Thánh nhân bậc cao.

Ví dụ: Khi Đức Phật ở trong rừng thì những vị chư thiên, thọ thần họ biết Đức Phật muốn đi đâu. Họ thấy Ngài bước đi về hướng nào đó là họ biết Ngài muốn lấy nước ở dưới hồ, hay Ngài muốn một cái que gỗ để Ngài chà răng. Nhưng có những suy tư của Đức Phật mà người ta không hiểu được, bởi vì nó vượt khỏi tầm của người ta.

Ví dụ: Một đứa bé mới lớp 3, nó nhìn ông bác sĩ nó có thể đoán ra một số chuyện. Chẳng hạn nó thấy ông đi lại chỗ vòi nước thì nó biết ông cần nước. Nhưng mà khi nó thấy ông rút tờ giấy ghi ghi, chép chép cái gì thì bà cố nó cũng không hiểu là ông ghi cái gì. Hoặc bây giờ như tôi, tôi cũng nghĩ là tôi trưởng thành. Mà tôi vô phòng

mạch, tôi thấy ông bác sĩ bắt mạch tôi, nghe nghe gì đó, rồi ổng nhúu mày cho đã xong xuôi. Rồi tới cái vụ ổng ghi ghi chép chép là tôi chỉ có chết thôi, chứ tôi không có cửa nào mà biết. Ổng giải thích tui nghe còn gượng gượng, chứ mà ổng cầm củi ghi cái gì đó rồi chuyển cho mấy phòng lab thì tôi hoàn toàn chịu thua.

Rồi chỉ có thể đoán được cái mức nào đó thôi. Chứ không phải có tha tâm thông là biết sạch sành sanh. Cái đó là sai.

Đừng có nói chi thần thông cho nó cao siêu. Mình là nhà quê mà lên mấy cái căn nhà giàu trên phố, mình nhìn vô mấy cái máy mình không biết đó là cái máy gì. Mình cũng thấy nó ghim tùm lum như vậy đó.

Bởi vậy tôi có kể câu chuyện có một bệnh viện ở New York. Một lúc cứ 12 giờ có người chết thì người ta ngạc nhiên lắm. Cái phòng đó nằm ở tầng 13, người ta nghĩ có chuyện gì ghê gớm. Thì FBI vào cuộc, thì người ta thấy đúng cái giờ đó, bà vệ sinh bả lên rút dây thở của người ta để bả dứt cái dây hút bụi vô. Cứ đúng giờ đó là chết một em, thì lý do đơn giản là bả giựt cái ống thở ra, làm sao mà người ta thở. Chuyện này không biết có hay không, nhưng mà nó minh họa cho chuyện: không phải cái gì mình thấy thì mình cũng biết.

Bốn trí vô ngại

Bốn trí vô ngại chỉ có ở vị Thánh nào từng có ba la mật tương ứng.

Ví dụ: Có trí vô ngại là vị này từng trong nhiều kiếp lưu ý, quan tâm, thích thú trong việc học hỏi Phật ngôn. Thì vị đó ra đời, vị đó mới có được pháp vô ngại và nghĩa vô ngại.

Vị nào từng quan tâm đến việc diễn đạt ngôn từ cho người khác hiểu nhanh, hiểu dễ, thì đời sau sinh ra, khi mình chứng Thánh thì mới có Từ vô ngại giải.

Khi có được pháp vô ngại giải, từ vô ngại giải, nghĩa vô ngại giải thì tự nhiên nó lòi ra cái thứ tư đó là: Ứng khẩu vô ngại. Có nghĩa là vị này nói là bật, chạm vô là bật,

chứ không có ngồi đó mà cà rì cà mọ, đổ mồ hôi từ ở trên đổ xuống là không có. Hoặc là biết, hoặc là không biết, bật ra liền, chứ không phải ngồi đó mà rề, chờ tụi nó về sạch mới móc cái phone kêu nó quay lại chùa.

Học bốn trí vô ngại thì mình học được một chuyện đó là: Trong đường giải thoát nó không phải là số một. Nhưng mà nếu vị Thánh nào có thì đúng là lợi mình lợi người. Vị nào có duyên chứng được bốn trí này thì không làm khó thầy dạy mình và cũng giúp nhiều cho người mình dạy.

Có nghĩa là khi Ngài Xá Lợi Phất gặp Ngài A Sa Chí, nói một câu thôi là xong. Chứ Ngài không có đày đọa ông thầy mà coi như ông nổi điên lên với mình mới chịu đắc. Dầu cho lúc ông dạy, mình chưa có đắc cái gì hết, nhưng mà mình đủ duyên để chứng cái này. Nên khi mình học đạo thì mình không làm khó thầy dạy mình. Khi mình đắc rồi thì mình cũng giúp nhiều cho người mình dạy.

Biến hóa thông là biến hiện như ý mình muốn. Ví dụ: mình muốn biến hiện ra cái nhà, cái hồ nước, dờn non, lấp biển. Cái đó gọi là biến hóa thông.

Túc mạng thông

Trong tam minh lấy ra từ lục thông gồm:

Túc mạng minh là nhớ quả luân hồi. Tức là cách đây hai, ba kiếp mình làm trâu, làm bò, làm dê, làm ngựa, làm công hầu khanh tướng, thầy chùa, du đãng, linh mục... gọi là nhớ quả luân hồi.

Thọ là nhớ bao lâu. Hành là sở hành, hoạt động của mình ra sao. Tánh là tánh tình như thế nào. Tướng là dung mạo ra sao, như thế nào. Cỗ nào cũng nhớ, cũng biết.

Sanh tử minh là nhớ nhân luân hồi. Tức là mình nhớ vì đâu kiếp đó mình làm vua. Vì đâu kiếp đó mình nghèo khó, giàu sang, xinh đẹp, sa đọa, hay được mang thân nhân thiên... Nhớ được cái nhân sanh tử được gọi là sanh tử minh.

Lậu tận minh, lậu tận thông, là đoạn trừ nhân luân hồi. Do thấy rõ Tứ đế, không còn điều kiện tâm lý để hành thiện hay làm ác nữa. Vị ấy biết rõ làm thiện hay ác đều là nhân sinh tử. Quả thiện hay quả ác đều là Khổ đế như nhau. Họ đã hiểu như vậy thì làm sao họ còn thiện ác nữa.

Cái quả ác nó khổ là mình thấy rồi, dễ hiểu rồi. Nhưng mà cái quả của thiện là quả lành thì người phàm thấy mê lắm. Nhưng trong mắt của người hiểu Tứ đế thì họ cũng lạnh xương sống lắm. Quả thiện giống như được sinh làm nhân thiên, người giàu có, xinh đẹp, quyền lực... Nhưng mà nó ớn chỗ này nè, nó ngọt thiệt đó nhưng mà nó được bao lâu.

Khi mà nó hết rồi thì người phàm nó sẽ đi về đâu?

Vì mình không hiểu rõ Bốn Đế lắm, cứ mơ hồ. Bởi tui nói hoài: phàm phu không hiểu lắm cái điều mình tin, nên không tin lắm cái điều mình hiểu. Miệng nói Bốn Đế mà còn cầu quả nhân thiên. Miệng nói Bốn Đế mà có ngày nào không soi gương, bậm môi, thoa phấn, thoa son. Miệng nói Bốn Đế mà còn sợ mất cái này cái kia, sợ chết, sợ bị mang tiếng, thị phi... Chứ còn người mà đã hiểu Bốn Đế thì nhân luân hồi hay quả luân hồi, cái nào họ cũng thấy chán hết.

Như vậy thì trong Tam Minh, tức là trong Lục Thông nó có ba minh trong đó: sinh tử minh, tức sinh tử thông; túc mạng thông; lậu tận thông. Vị La-hán Tam Minh thì không có khả năng biến hiện này nọ, nhìn bằng mắt thì giống hệt như một người bình thường. Tức là Ngài có khả năng nhớ tùm lum, nhưng làm sao cho mình thấy được cái đó đây? Riêng vị có thần thông thì lại khác, tạo ra được những cái chuyện lạ.

Trong kinh kể: bữa đó trai tăng, có một vị tên là Mahaka. Ngài đi trai tăng, Phật tử mời về ăn cơm. Trên đường, ông chủ nhà quý chư tăng lắm, ông mới tiễn chư tăng đi từ nhà về chùa. Đang trên đường đi thì trời nóng quá, tự nhiên ông buột miệng ông nói:

“Trời ơi! Trời này mà nó mưa một trận chắc nó mát dữ lắm ta.”

Ông vừa nói xong thì có trận mưa nhỏ xiu xiu xiu, vừa đủ để mưa xuống cho đoàn người đang đi thôi. Thì ông thích quá thích. Chư tăng mới nói cái này không phải mưa tự nhiên, mà do Ngài Mahaka làm ra đó.

Ông thích quá, ông mê quá, ông đưa Ngài về tới chùa. Ông nói:

“Con nghe nói có thần thông mà đây là lần đầu tiên con thấy, đã thiệt. Này Ngài làm nước rồi, bây giờ Ngài làm lửa, hay làm gió, làm cái nào lạ lạ đi.”

Ngài mới suy nghĩ là ông này đủ duyên để mà được thấy, chứ như người khác thì Ngài không có làm chuyện đó. Ngài mới đưa cái lá y của Ngài, kêu ông đem lá y này ra ngoài sân rồi lấy cỏ khô chất lên. Đừng có đứng gần mà đứng xa xa nha. Xong rồi Ngài đóng cửa phòng, rồi Ngài nhập thiền hòa giới tam muội. Ngài niệm đề mục lửa, thì lửa từ then phòng xuyên qua, nó đốt cháy sạch cái đồng cỏ khô trên cái lá y, mà cái lá y của Ngài nó không có hề hấn gì hết. Chỉ cần mình giữ một cái là nó sạch.

Lúc đó ông thích quá trời thích. Ông nói từ đây cho đến ngày ông chết, Ngài cần thịt rồng ông sẽ ra biển bắt cho Ngài. Ngài cần cái gì thì ông cúng dường cái đó cho Ngài. Thì Ngài nói:

“Cảm ơn tấm lòng của ông.”

Tiếng Pali kêu là “Sadhu”, tốt lắm. Và kinh nói kể từ ngày ấy, Tôn giả Mahaka không bao giờ quay lại cái địa phương này nữa.

Phẩm Ánh Sáng

Đọc một mình mà không nghe giải thích thì bài này ngắn mà rất là cạn. Nếu mà quý vị có nghe giải thích thì tình hình nó khác. Trong đoạn kinh ngắn này, Đức Phật Ngài nói:

“Này các Tỳ-kheo, có bốn loại hào quang. Thế nào là bốn? Hào quang mặt trăng, hào quang mặt trời, hào quang ngọn lửa, hào quang trí tuệ.”

Bài kinh chỉ có bao nhiêu đó thôi, nhưng mà sâu là sâu ở chỗ nào? Sâu ở chỗ này: vạn vật ở đời nếu không có ánh sáng thì làm sao ta có thể nhận biết. Ánh sáng ở đây phải được hiểu là điều kiện tiếp cận. Tiếng Mỹ gọi là “approach”, chứ không phải hiểu theo nghĩa đen của vật lý là không phải.

Thí dụ như vị điều tra viên của ngành tư pháp. Khi họ điều tra ra cái gì thì họ bảo là: “Đã có ánh sáng cuối đường hầm rồi.” Hoặc là khi chưa tìm ra manh mối, ánh sáng ở đây có nghĩa là manh mối, chứ không hẳn ánh sáng ở đây được hiểu theo nghĩa vật lý.

Ở đây, muốn làm cái gì chúng ta phải có điều kiện tiếp cận. Thì điều kiện đó mình gọi là ánh sáng. Ví dụ như ban ngày không có ánh nắng, ban đêm không có ánh trăng, không có ánh đèn, không có ánh lửa, thì tôi không hình dung ra thế giới này chúng ta sống kiểu gì.

Có những loài động vật yếm khí, nó không cần tới lượng không khí nhiều như mình. Nhưng mà nó có những loại yếm quang, tức là nó sống không cần ánh nắng mặt trời, và trong nhiều, nhiều, nhiều... năm, suốt đời của nó.

Chẳng hạn như bên Tàu, ở trong Đông y có một loại rắn, nó kêu là Thạch Trúc Xà. Tức là ngày xưa ngày xưa, đây là một loại rắn rất là hiếm, nó độc không thể nào tả nổi. Nhưng mà cái nọc của nó chữa được bá bệnh, cải tử hoàn sinh.

Là do một cơ hội cực kỳ, cực kỳ và cực kỳ hãn hữu: là trứng, là rắn con của một loại rắn đặc biệt nào đó mà nó lọt vào cái khe nhỏ của cái lóng tre nhỏ. Rồi nó sống ở trong đó, và khi nó lớn, nó không có thể ra ngoài được. Nó chỉ sống bằng cái nguồn dưỡng khí thông vào cái lỗ tre đó. Và những con côn trùng nào nho nhỏ, chẳng may bò vào trong đó thì nó ăn.

Cho nên vì điều kiện nó sống trong điều kiện mà không có ánh sáng như vậy đó, thì thị giác của nó gần như là không có.

Nam Phi thì có kim cương, hoặc là bên Úc có Opal. Ngọc Opal được người ta gọi là hoàng hôn của Thượng Đế. Nó có bảy sắc cầu vồng, đẹp lắm. Muốn khai thác là người ta phải đào xuống một trăm mét dưới đất sâu. Rồi sau đó người ta lại đào vô số cái đường hầm tỏa đi từ cái giếng đó. Tức là đào cái giếng đó, sau đó tiếp tục đào nhiều cái đường thẳng tỏa đi, có khi tỏa xéo, có khi tỏa ngang để người ta khai thác trong lòng đất. Có khi cả mấy trăm mét trong lòng đất sâu. Cái ác liệt của loại ngọc này là nó đi liền với cái chết.

Có nghĩa là những cái mỏ ngọc Opal nó có một loại rắn độc giống như con chuột chù. Ban ngày nó không có thấy đường, nó chỉ có thể định vị bằng nhiệt độ của đối tượng thôi. Thí dụ như nó ở gần con người hoặc con mồi, thì cái thân nhiệt của đối tượng đó, nó nhận biết bằng thân nhiệt, chứ nó không thể thấy được. Nó di chuyển bằng cách nó búng, nó mà cắn rồi là chết.

Ở Trường Sơn Việt Nam là mấy người bộ đội ngày xưa có biết loại rắn nó gọi là rắn bảy bước, tức là nó mà đập cho rồi là không thể đi quá bảy bước. Còn rắn Opal này là khỏi bước luôn nha. Nó di chuyển bằng cách nó búng, và đặc biệt nó là loài yếm quang, cả đời nó không thấy ánh sáng.

Nãy giờ tôi kể mấy cái loài mà tôi lạnh xương sống. Tôi làm một cái vòng rất là lạc đề để cho bà con thấy trên cái thế giới này, thế giới của cái loài không có ánh sáng nó rất là tù túng. Là rắn Thanh Trúc Xà ở trong cái lóng tre mà ra ngoài không được. Hoặc là loại rắn ở trong mỏ ngọc Opal, các vị thấy không? Có nghĩa là loài nào mà kỵ ánh sáng, không kham được ánh sáng, không chịu được ánh sáng, hoặc ở trong một điều kiện không có ánh sáng, thì cái loài này mình phải hiểu ngầm.

Là đời sống, nó rất nhiều cái hạn chế, bởi vì ánh sáng là điều kiện tiếp cận để giải quyết mọi sự ở đời.

Ở đây chúng ta cũng vậy, ở trong thể lý sinh học hay tâm lý tinh thần, chúng ta không thể nào thiếu ánh sáng được. Ánh sáng ở đây là cái gì? Ánh sáng ở kinh này là điều

kiện tiếp cận và xử lý vấn đề.

Tùy thuộc khuynh hướng tâm lý, nền tảng tâm thức gồm tri kiến, phước báo, thói quen, quan điểm nhận thức... Từ đó, ánh sáng tâm lý của mỗi người không giống nhau, là bởi vì điều kiện tạo ra ánh sáng của mỗi người không giống nhau.

Ví dụ như ta có nhiều cách để tận dụng ánh nắng.

Một là trực tiếp dùng nó.

Hai là magnifier, kính loupe.

Ba là kính phản quang. Cách đây lâu lâu tôi có đọc, có một tòa nhà bên Úc, có một ông kiến trúc sư. Ông chơi ác là ông thích ánh sáng, ghét, sợ bóng tối mà lại thù mặt đất. Cho nên ông cất nhà dưới hầm, ở dưới đất. Nhưng mà nhà chả cũng chói chang nắng hạ bằng cách là chả gắn cái lõm kính phản quang.

Tức là từ ở trên giếng trời duy nhất, chả chỉ có một nguồn duy nhất. Đầu tiên ánh nắng mặt trời nó đi vào nhà cha này bằng nguồn duy nhất là nó đi vào từ nguồn giếng trời. Từ đó nó mới rọi vô mặt kính này, mặt kính này mới đá qua kính kia, kính kia nó mới đá qua kính nọ. Trong nhà chả sáng trưng mà không hề nóng. Tức là ảnh chỉ xài ánh sáng mà không xài sức nóng.

Đạo Phật là ấm mà không nóng, mát mà không lạnh. Chúng ta cần tới ánh sáng, nhưng mà là ánh sáng như thế nào? Ánh sáng rất là thông minh. Có những người, trí thông minh của họ chỉ đủ để họ hại người thôi. Nhưng có người biết dùng trí thông minh của họ để giúp người.

Cho nên nói đến bốn loại ánh sáng, nó mở ra cho chúng ta rất là nhiều vấn đề.

Thứ nhất, ánh sáng của người này không giống ánh sáng của người kia là vì cái điều kiện tạo ra ánh sáng, tận dụng ánh sáng của A và B không giống nhau.

Thứ hai, có ánh sáng rồi, chúng ta dùng nó vào việc gì?

Đây chính là nội dung bài kinh. Ai mà hỏi nội dung bài kinh 141 nói gì, chỉ cần nói bao nhiêu đây thôi. Tôi nghe giảng thế này: thứ nhất là định nghĩa về ánh sáng. Ánh sáng chính là điều kiện tiếp cận và xử lý vấn đề. Nguồn sáng ở mỗi người khác nhau và mục đích sử dụng cũng không giống nhau.

Nguồn sáng ở đây là Văn, Tư, Tu, là ba nguồn sáng. Mục đích sử dụng cũng khác nhau. Có người dùng trí thông minh để hại người, có kẻ thông minh đi giúp người, giúp đời này hay cả đời sau, hại đời này hay cả đời sau.

Xé ra, nó còn lớn chuyện nữa. Giúp ở đây là giúp cái gì? Bây giờ mình chế ra cái máy, phát minh cái này cái kia, đó gọi là giúp. Còn cái mà gọi là giúp cho đời sau là sao? Là mình sống làm sao để người ta nhìn vào những điểm của mình, người ta nghe ở mình, những điều người ta nghĩ về mình khiến cho người ta trở nên tốt hơn. Đó lại là chuyện khác.

Mình chế ra máy này máy kia để di chuyển. Chẳng hạn như hôm qua tôi có đọc câu chuyện của Pháp. Các kỹ sư Pháp mới chế ra một phương tiện di chuyển mà tôi rất là tâm đắc, nhưng tôi nhìn nó tôi muốn ói ra luôn. Đó là một chiếc xe, nó kêu là siêu địa hình, có nghĩa là nó di chuyển theo kiểu của con nhện. Có nghĩa những chiếc xe khác nó di chuyển theo bánh, trên đường trường, mặt phẳng. Còn xe này là địa hình tới đâu, gồ ghề, lồi lõm, khúc khuỷu, ngoằn ngoèo cỡ nào thì nó di chuyển theo kiểu của con nhện đi.

Nhưng mà tôi muốn nói cái gì? Tôi muốn nói đôi khi những người trên đời này dùng trí thông minh của mình để hại người hay giúp người. Rồi hại nó cũng có nhiều cách, mà giúp nó cũng có nhiều cách. Như vậy là mình xé bài kinh 141 này ra, nó sâu mà nó rộng dữ lắm. Chỉ riêng bài kinh 141 đủ để cho các vị làm cẩm nang để sống đời và hành đạo rồi.

Ba quán chiếu từ nội dung kinh:

Quán chiếu một, mình đang sống trong điều kiện có ánh sáng hay không có ánh sáng. Riêng cái số một là nó đủ thay đổi vận mệnh của 100 triệu người Việt Nam, với diện tích 330 ngàn cây số vuông. Bởi vì trong tiếng Mỹ có một từ rất quan trọng là transparency, có nghĩa là minh bạch. Minh bạch có nghĩa là ánh sáng, là bạch hóa. Chữ đó rất là quan trọng.

Muốn nha sĩ giải quyết cái răng của mình thì đầu tiên là nha sĩ phải bạch hóa cái hàm răng của mình. Có nghĩa họ phải coi, phải phát hiện tất cả cái vấn đề hàm răng của mình, họ mới giải quyết được. Một ông bác sĩ internal doctor, nội tạng, mà ông muốn biết mình là ông phải thử máu, phân, đàm, nước tiểu, xong rồi ông phải X-rays, rồi MRI, rồi ultrasound... Ông phải sử dụng bao nhiêu phương tiện đó để ông bạch hóa thể trạng, thể chất của mình, rồi ông mới có thể chữa mình được.

Có nghĩa là chuyện đầu tiên, ta có sống trong ánh sáng hay không? Mọi thứ ở ta có được bạch hóa hay không? Chỉ riêng cái câu này đã có thể thay đổi vận mệnh của một quốc gia.

Quán chiếu hai, cái ánh sáng của ta là từ nguồn nào mà tới, để ta trau dồi và điều chỉnh.

Quán chiếu ba, ta đang dùng cái ánh sáng của mình vào mục đích gì.

Khiếp không? Một bài kinh nhỏ xíu chỉ có năm dòng mà nó ra chừng ấy vấn đề, các vị có nghe kịp chưa? Cho nên từ nay về sau bỏ cái thói quen đó là đọc bài kinh nào thấy không xong là mình nghĩ cái bài kinh đó cạn. Minh, cái đầu của mình nó cạn, chứ không phải là kinh cạn.

Ánh nắng mặt trời nó chỉ là một tia nắng mỏng thôi. Nhưng mà tùy cái nhận thức của mình mà tia nắng đó nó có phải là đề tài để mà mình bảo vệ thành công một luận án tiến sĩ vật lý hay không. Là vấn đề là do mình hiểu cái gì trong ánh nắng.

Tôi nói hoài câu chuyện: có khi chỉ vì một sợi tóc thôi mà nó tan nhà nát cửa, các vị biết không. Mà cũng có khi chỉ một sợi tóc mà nó làm cho thế giới này thay đổi.

Một người quen đến nhà chơi rồi họ đi về làm rớt một sợi tóc dài. Khi quét nhà, mình thấy sợi tóc đó, tự nhiên mình nhớ, mình mẩn. Nhìn sợi tóc bèn nhớ tới mái tóc, nhớ mái tóc bèn nhớ tới số phone, rồi email... Từ đó mới liên lạc. Từ đó vác người ta về, đẻ ra một lũ con. Đừng có khinh thường sợi tóc. Vấn đề là ta làm gì với sợi tóc đó.

Các kinh này đều trùng. Có người hỏi tôi vì đâu mà trùng như thế này mà vẫn để trong kinh. Chính vì nó để nguyên mới thấy được mức độ trung thành của kinh điển Pali. Có nghĩa là Ngài Anan nghe được cái gì là Ngài nhắc lại y chang như vậy.

Ví dụ: chia phiên ra, Ngài Ca Diếp là người hỏi về ba tạng. Ngài Anan là Ngài trả lời về A Tỳ Đàm và tạng Kinh. Ngài Upali trả lời về tạng Luật.

Thì Ngài Ca Diếp, Ngài cũng học thuộc lòng như Ngài Anan, mới hỏi rằng:

“Cái bài kinh đó Thế Tôn thuyết ở đâu? Duyên sự thế nào?”

Là Ngài Anan trả lời cái rọc. Bài kinh đó Thế Tôn thuyết cho ai, ở đâu, duyên sự là sao. Rồi Ngài Ca Diếp hỏi như thế nào thì Ngài Anan trả lời y chang như vậy. Bây giờ mình mới hiểu tại sao có vụ trùng mà không mất là như vậy.

Qua cái câu chuyện trùng thì mình hiểu ra nhiều chuyện lý thú lắm: Đức Thế Tôn không có nói nhiều như mình. Mỗi lần Đức Thế Tôn mở miệng đều là Pháp, cho nên Ngài Anan nhớ sạch sành sanh tất cả những gì Thế Tôn nói. Đức Thế Tôn không phải là vị giáo chủ bình thường như mình nghĩ.

Thí dụ như Ngài Đạt Lai Lạt Ma hay Ngài Nhất Hạnh, nhiều khi các vị ấy có những giây phút nói mà đệ tử không cần thâu băng, bởi vì nhiều cái thâu băng chỉ làm hư bột hư đường thôi. Nhưng mà riêng vị Chánh Đẳng Giác, một nụ cười vô cớ còn không có thì làm gì mà có năm ba câu nói không nghĩa lý.

Cho nên đọc kỹ trong kinh mới thấy khiếp. Thì ra trong vòng 25 năm ở cạnh Thế Tôn, Ngài Anan nhớ sạch sành sanh, tót tòn tụt, tất tần tật những gì mà Thế Tôn nói ra. Vì Thế Tôn không có nói chuyện như người bình thường. Đến nỗi mà chư tăng đi bát thấy chuyện gì ngộ ngộ về thưa với Phật:

“Bạch Thế Tôn, con thấy cái đó...”

Và chư tăng biết chuyện gì mà thưa với Phật, mà Ngài trả lời, thì dứt khoát đó là Pháp thoại.

Chư tăng đọc nhiều cái chuyện thấy thương lắm. Đi bát thấy người ta Sơn Đông mãi võ múa may, thì về mách với bố hay như là mách với ông nội vậy đó. Có nghĩa là khi mách với Ngài thì chắc chắn y như rằng 100% là sẽ được một pháp thoại.

Đặc biệt như vậy, cho nên trong suốt 25 năm Ngài Anan sống gần Phật thì Ngài nhớ tất cả những gì Phật nói là như vậy. Các vị nhớ là một nụ cười vô cớ trên môi vị Chánh Đẳng Giác còn không có. Cho nên mỗi lần mà Thế Tôn mỉm cười thôi là Ngài Anan hỏi liền:

“Do duyên gì?”

Có lần Đức Phật và chư tăng đi vào rừng, thì từ xa Ngài mỉm cười khi thấy có một con chim rừng nó làm một động tác lạ, đó là nó không có bay mà nó lơ lửng trên không với hai cái cánh chấp chới. Thì Ngài Anan mới hỏi Phật:

“Bạch Thế Tôn, có một hiện tượng lạ.”

Đức Phật hỏi:

“Anan, người có thấy nó làm gì hay không?”

Ngài Anan nói:

“Dạ thấy, mà con thấy nó lạ.”

Đức Phật nói:

“Nó đang đánh lễ Như Lai đó. Đó là một vị Phật Độc Giác tương lai, vị đó cảm được ân đức của một vị Chánh Đăng Giác nên vị ấy đang đánh lễ đó.”

Dĩ nhiên mọi người nghe sẽ không tin, nghĩ chuyện đó là phong thần. Nhưng tôi thì tin, bởi vì cái đầu mình toàn đất sét nên cái gì mà nó ngoài tầm của mình thì mình thấy nó lạ. Tào nó nói là: “Thiếu kiến đa quái”, có nghĩa là biết ít thì cái lạ nó nhiều.

Một lần nữa, khi Ngài đi trên đường, tự nhiên Ngài dừng lại và Ngài nhìn xuống một gốc cây. Ngài Anan biết liền nên Ngài Anan trải chỗ ngồi thì Đức Phật ngồi xuống mỉm cười. Thì Ngài Anan mới nói:

“Bạch Thế Tôn, vì sao Ngài mỉm cười?”

Thì Thế Tôn mới nói:

“Anan có biết ngay tại gốc cây này, tính luôn cả Như Lai, thì có hai vị Chánh Đăng Giác đã ngồi lên cùng một chỗ hay không? Vị trước đây là Thế Tôn Ca Diếp, và hôm nay là đến ta, là vị Chánh Đăng Giác như Thế Tôn Ca Diếp, lại ngồi chỗ này.

Anan có biết rằng ở đây hôm nay là chỗ huyện lỵ hẻo lánh, nhưng thuở xưa ở đây là một thành phố tên Vebhalinga rất là phồn vinh. Ở đây Thế Tôn Ca Diếp có một vị đệ tử thánh nhân thuần thành không thể thuần thành hơn. Cha mẹ của vị đệ tử ấy bị mù lòa, mà vị đệ tử đó nghèo khó mà đắc Tam quả. Lẽ ra là đi xuất gia, nhưng vì phải nuôi cha mẹ già nên đi làm nghề gốm.”

Ngài kể câu chuyện đó, bà con xem trong Trung Bộ, bài kinh Ghaṭikāra Sutta.

Mình thấy trùng, nhưng mà mình phải nhớ hết mấy chuyện này là Thế Tôn vì đâu những gì Thế Tôn nói đều được ghi chép một cách trung thực, trung thành.

Thời gian trong đời người tu tập

Mình đã từng học qua kinh này một lần rồi. Có một buổi chiều Đức Thế Tôn từ hương thất, phòng riêng, Ngài đi sang hội trường của chư tăng. Tình cờ Ngài nghe một vị trưởng lão thuyết pháp, rồi sau đó Ngài mới khen. Ngài nói:

“Lành thay, tất cả đệ tử Như Lai. Tất cả các vị Tỳ kheo gặp nhau chỉ có hai việc để làm, đó là: cùng nhau im lặng để thiền định, hoặc cùng nhau đàm luận, trao đổi Phật Pháp.”

Nhưng mà kinh này cũng nội dung đó, nhưng mà Ngài nói rộng hơn. Ngài nói rằng toàn bộ thời gian trong đời người chỉ có ý nghĩa giải thoát khi ta tận dụng cho bốn việc sau đây, ngoài ra đều là vô ích, là khoảng thời gian bị tiêu pha hoang phí:

Một, nghe pháp.

Hai, luận đạo.

Ba, Samatha.

Bốn, Vipassanā, tức trau dồi định và tuệ.

Nội dung của hai việc nghe pháp và luận đạo chỉ được xem là rất ráo khi chuyên sâu về định và tuệ. Một và hai phải có cái nội dung hỗ trợ cho ba và bốn. Nói gì, nghe gì mà nó giúp ích cho chánh niệm, thiền định.

Ví dụ, bây giờ tưởng tượng gặp nhau mình chỉ nói ba cái vụ thời tiết, thời sự, khí hậu, thị trường bất động sản, chứng khoán, chính trị Trung Đông, Biển Đông Việt Nam... Thông thường gặp nhau mình bàn những đề tài đó là những đề tài trí thức.

Nhưng thật ra trong đạo, Đức Phật Ngài dạy những cái đó là những đề tài bàn lâu nó chỉ mất thì giờ và nó chỉ làm cho mình hao tâm tổn trí thôi. Bởi vì chuyện đời chúng ta bàn cho tới kiếp nào mới hết.

Cho nên chuyện quan trọng nhất: “Nếu muốn tu rất ráo đành phải làm kẻ vong quốc, vong thân”, chuyện gì cũng bỏ hết. Nếu chỉ muốn tu kiểu nửa vời thì ta có thể chân

trong chân ngoài.

Nếu mà tu rất ráo, thời gian của một người biết đạo chỉ dành cho bốn việc thôi, đó là: nói cho nhau nghe và nghe nhau nói những gì hỗ trợ cho định, Samatha, và tuệ, Vipassanā. Có nghĩa là khi gặp nhau, ngay cả cách hỏi thăm của hành giả nó cũng khác so với người không phải hành giả.

Ví dụ hành giả với nhau là hỏi:

“Lúc này ngồi còn đau không?”

Mình nghe cách hỏi là mình muốn tu.

Còn kiểu gặp nhau:

“Lúc này thấy bà hơi mập đó nha.”

Nó cũng là câu hỏi thăm nhưng nó không mắc mớ gì chuyện tu hành.

Còn hành giả hỏi nhau là mình đã nghe mùi nhang khói trong đó rồi. Trong cái câu hỏi “Bà khỏe không?” thì hành giả hỏi:

“Bà ngồi còn đau không?”

Hoặc thay vì mình hỏi:

“Lúc này ăn uống được không?”

Thì mình hỏi:

“Bữa đi qua Miến Điện bà có ăn được không?”

Hoặc:

“Bên thiền viện bà có gặp khó khăn không?”

Có nghĩa là đã là hành giả, họ hỏi những chuyện bình thường nhất thì nó cũng có hơi hướng, mùi màng, phảng phất,

bàn bạc sự gợi ý tu hành trong đó. Chứ mình sống sao mà gặp nhau như chim cú, cứ nói chuyện chút là gây.

Tôi nhớ bên Mỹ mỗi lần tới mùa bầu cử là thế nào cũng có một hai vụ ly dị. Chồng Cộng hòa, vợ Dân chủ, cãi hồi ly dị. Giống như ở Việt Nam, hễ có công trình lớn, bạc triệu đô la là thế nào cũng có người ở tù vì tham nhũng, thực kết, biến thủ, tham ô... Hoặc mùa bóng đá nào cũng có người nhảy lầu vì cá độ. Mùa bóng đá nào ở Việt Nam cũng xảy ra cái vụ mất trộm. Bao nhiêu đàn ông tập trung trước ti vi, phía sau là trộm tha hồ tung hoành.

Cho nên mình phải luôn nhìn nhận: đời sống phàm phu mình luôn luôn có vấn đề. Mà tinh thần Đạo Phật là sống trong ánh sáng. Người đệ tử mình luôn luôn sống trong ánh sáng. Phúc thay cho kẻ nào mà từ tinh thần tới thể xác đều được bạch hóa.

Và ta có thể nói, một trong những đặc điểm khác biệt của những nước văn minh và nước chậm tiến là ở chỗ: đất nước nào mà nhà lãnh đạo và bộ sậu chính phủ được bạch hóa nhiều nhất thì đất nước đó khá. Bộ sậu có nghĩa là nguyên một group. Ví dụ: Nhật Bản, Thụy Sĩ, Hoa Kỳ. Quý vị muốn ngồi lên ghế hàng đầu là đời tư của quý vị bị soi rọi, phải nói là cái ánh sáng ngàn volt, ngàn watt.

Trong khi những đất nước nhược tiểu thì người đứng đầu mình cũng chẳng biết học lực họ tới đâu. Thậm chí có nhiều người chỉ để là trình độ học vấn: lý luận chính trị cao cấp. Mà bà cố tui cũng không biết lý luận chính trị cao cấp là sao. Là tại vì họ không có cái bằng nào, họ lấp vô hết.

Hoặc khi họ viết tiểu sử một người, họ khai năm mấy, năm mấy, làm gì, ở đâu. Cuối cùng họ mới nhét vô đó cái bằng tiến sĩ. Thì mình không biết cái bằng đó họ lấy từ lúc nào. Đọc lại tiểu sử thì mình không biết nhét cái bằng đó vô chỗ nào. Bởi vì muốn

lấy bằng tiến sĩ nó phải mất thời gian kinh khủng lắm. Đó là những đất nước không được rõ ràng, không có ánh sáng.

Nếu ta không sống trong ánh sáng thì ta chỉ sống trong bóng tối thôi. Mà bóng tối là gì? Bóng tối chính là điều kiện cực tốt cho tất cả vấn đề trong thế giới.

Cho nên ở đây Đức Thế Tôn dạy mình phải sống tận dụng thời gian mình có là vì sao? “Phải tận dụng thông minh thời gian ta có thì đời ta mới đáng sống và đáng kể, nếu không ta chỉ là cái đồng hồ đếm thời gian cho thiên hạ.”

Bởi vì bản thân cái đồng hồ nó không được cái gì hết. Nó chỉ tạo ra để làm cái chuyện đếm thời gian thôi. Nếu mình sống có đóng góp, có hy hiến thì mình là con người. Nếu mình sống không tận dụng thời gian thì mình chỉ là cái đồng hồ. Nghĩa là lâu lâu người ta dòm cái tóc mình bạc bạc, người ta nói: cha này bằng tuổi mình mà tóc đã bạc, thì chắc mình cũng già rồi. Nói chung người ta nhìn mình giống như người ta nhìn cái đồng hồ vậy đó. Và rất nhiều người trên đời này giống như cái đồng hồ. Tức là thiên hạ nhìn họ để nhớ về phận của mình, chỉ vậy thôi.

Có nhiều lần tôi nói: sự có mặt của họ trên đời này chỉ là sự góp mặt chứ không phải là sự đóng góp. Và cái chết của họ từ đó nó chỉ là sự vắng mặt chứ không phải là sự mất mát. Có những người, cái đời sống của họ là sự đóng góp, nên mai này họ chết đi, nó là sự mất mát cho cuộc đời.

Cái giá trị của một người nó tương đương với những gì mà anh ta để lại và những khoảng trống mà anh ta để lại.

Ví dụ: ông Trịnh Công Sơn chết rồi, nhưng cái khoảng trống của ông, tôi nghĩ một trăm năm nữa khó tìm một người thế ông. Rồi Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, cụ Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Phạm Ngũ Lão, Trần Hưng Đạo. Những người đó, nếu mà nói theo kiểu thế gian, thì cái khoảng trống của họ khó lấp lắm. Vì trong bối cảnh biển Đông như thế này làm mình nhớ đến những tâm hồn như Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão. Giá mà họ còn, với tâm hồn của Lý Thường Kiệt thì mình đã khác rồi.

Cái giá trị của một người tương đương với những khoảng trống mà anh ta để lại. Vì sự có mặt của anh ta là một sự đóng góp chứ không phải đơn giản là sự có mặt. Và từ đó cái chết của anh ta là một sự mất mát chứ không phải là sự vắng mặt. Còn mình là vừa vắng mặt và mất mát nữa.

Tiếp theo từ Kinh Thời Gian (2) đến Kinh Lỗi (Tinh túy): tất cả đã giảng rồi.

Chúc quý vị một ngày vui.